**Bài 6.**

**NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẨU**

**(Văn bản nghị luận)**

**Tiết 78,79:** **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LỰA CHỌN CÂU ĐƠN - CÂU GHÉP;**

**CÁC KIÊU CÂU GHÉP VÀ PHƯƠNG TIỆN NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP**

**I. MỤC TIÊU**

 **1. Năng lực**

Lựa chọn được câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

 **2. Phẩm chất**

 Có ý thức lựa chọn sử dụng câu đơn hay câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép tuỳ vào các mục đích khác nhau trong thực tế giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, ti vi thông minh, bảng, phấn.

- SGK (sách giáo khoa), SGV (sách giáo viên).

- Bảng phụ để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

- Các mẫu PHT (phiếu học tập) để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***KHỞI ĐỘNG*** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*- Cách 1: Em hãy đặt/ghi lại 1 câu đơn và 1 câu ghép- Cách 2:+ Em hãy đọc tên bài học và nêu những nội dung muốn tìm hiểu hoặc thắc mắc về câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.+ Em hãy đọc lướt nội dung phần *Tri thức tiếng Việt* và *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, xác định nội dung bài học và nhiệm vụ học tập.*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày; các nhóm khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).*\* Kết luận, nhận định:* Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về **câu đơn, câu ghép**để có thêm kĩ năng khi sử dụng các kiểu câu này, đồng thời bổ sung kiến thức về phương tiện nối các vế của câu ghép. | - Cách 1:+ “Hoa hồng nở rộ trong vườn.”+ “Nếu bạn chăm chỉ học hành thì thì bạn sẽ đạt được thành công.”- Cách 2: GV ghi nhận những nội dung HS muốn tìm hiểu về câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép dưới hình thức từ khoá/ cụm từ lên bảng phụ của lớp.(2) GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập. |
| ***HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI*** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, trả lời câu hỏi: *+ Khi nào chúng ta lựa chọn câu đơn và khi nào chúng ta lựa chọn một câu ghép?**+ Có những kiểu câu ghép nào? Hãy chỉ ra phương tiện nối các vế câu. Lấy ví dụ.**\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.*\* Báo cáo, thảo luận**:* Đại diện 1 - 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).*\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức tiếng Việt****1. Lựa chọn câu đơn – câu ghép**- Chúng ta thường chọn câu đơn (câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt) để biểu thị một phán đoán đơn- Lựa chọn câu ghép (câu có hai cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt trở lên) để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.**2. Lựa chọn các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu****\**Dựa vào quan hệ giữa các vế*****a. Câu ghép đẳng lập**- Là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành.- Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:+ Liệt kê, ví dụ: *“Ngoài đình, mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.”* (Ngô Tất Tố).+ Tiếp nối, ví dụ: *“Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.*” (Tô Hoài).+ Đối chiếu, ví dụ: “*Ông nói gà, bà nói vịt*.” (Tục ngữ).+ Lựa chọn, ví dụ: *“Mình đọc hay tôi đọc*?” (Nam Cao);...**b. Câu ghép chính phụ**- Là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành. - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau: + Nguyên nhân – kết quả, ví dụ: *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.”* (Tô Hoài).+ Điều kiện/ giả thiết – kết quả, ví dụ: *“Nếu anh cho phép thì ta cứ - đọc.”* (Nam Cao).+ Nhượng bộ - tương phản, ví dụ: *“Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình.”* (Nguyễn Minh Châu).+ Mục đích – sự kiện, ví dụ: *“Để trường lớp luôn sạch đẹp, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vệ sinh chung”.***\**Dựa vào phương tiện nối các vế*****c. Câu ghép có từ ngữ liên kết**- Ngoài các kết từ (*và, rồi, hay, còn*,...), các cặp kết từ (*vì ... nên, nếu ... thì, tuy ... nhưng*,...), từ ngữ liên kết còn có thể là các cặp từ ngữ hô ứng như *càng ... càng, vừa... vừa, mới ... đã, bao nhiêu ... bấy nhiêu, nào ... ấy,...***d. Câu ghép không có từ ngữ liên kết**Ví dụ: Cô giáo giảng bài, học sinh chăm chú lắng nghe. (Biểu thị quan hệ liệt kê). 🡪 Khi cần sử dụng câu ghép, tuỳ vào quan hệ giữa các vế (đẳng lập/ chính phụ), tuỳ vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các vế (liệt kê, lựa chọn, nguyên nhân - kết quả, mục đích - sự kiện,...) Mà chúng ta lựa chọn kiểu câu ghép nào, từ đó, lựa chọn phương tiện nối các vế câu cho phù hợp. |
| ***LUYỆN TẬP*** |
| **Bài tập** **1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:*(1) Đặc trưng của chủ nghĩa toàn cầu hiện đại là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hòa ca của nhân loại. (2) Ở đó, người ta chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản. (3) Nhiều ý kiến cho rằng khi “thế giới phẳng”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi văn hoá đặc trưng của dân tộc mình. (4) Điều đó là không đúng, bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc.*(Nam Lê - Như Ý, *Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu*, https://giaoducthoidai.vn/, ngày 03/11/2019)a. Phân tích cấu trúc các câu trong đoạn trích trên, sau đó, cho biết câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép.b. Nêu tác dụng của việc lựa chọn các kiểu câu (câu đơn, câu ghép) trong đoạn trích trên. | **Bài tập 1/15:** *(1) Đặc trưng của toàn cầu hoá* (CN) / *là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại* (VN).*(2) Ở đó* (trạng ngữ), *người ta* (CN) / *chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản* (VN).*(3) Nhiều ý kiến* (CN) / *cho rằng khi “thế giới phang”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN).Ghi chú: Trong phần vị ngữ có các cụm chủ - vị nhỏ: khi “*thế giới phẳng* (trạng ngữ), *các nền văn hoá giao thoa* (CN1)/ *sẽ dần hoà lẫn với nhau* (VN1), *mỗi người* (CN2) / *đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN2).*(4) Điều đó* (CN1) / *là không đúng* (VN1), *bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc* (CN2) / *là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc* (VN2).🡪 Câu (1), (2), (3) là câu đơn; câu (4) là câu ghép.b. Tác dụng của việc lựa chọn câu đơn, câu ghép trong đoạn trích trên:- Câu (1), (2) và (3) biểu thị một phán đoán đơn giản nên người viết lựa chọn câu đơn là phù hợp. Tuy nhiên, GV cần lưu ý với HS câu (2) và câu (3) cũng có cấu tạo không hoàn toàn đơn giản. Ở câu (2), vị ngữ có cấu tạo từ nhiều cụm động từ: “chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản”. Ở câu (3), trong phần vị ngữ có nhiều cụm chủ - vị nhỏ (như đã phân tích ở trên).- Câu (4) biểu đạt một thông báo có tính chất phức hợp: vừa chỉ ra ý kiến nêu ở câu (3) là không đúng vừa giải thích lí do nên người viết sử dụng câu ghép là phù hợp. |
| **Bài tập** **2:** Cho đoạn trích sau:*Nhan đề “Sang thu” vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cánh vật. Hương quả sang thu. Ngọn gió sang thu. Dòng sông, bầu chín, đám mây, bầu trời sang thu. Nắng sang thu. Mưa sang thu, sấm chớp, dông bão, cây cối sang thu. Nhưng trong từng cảnh sang thu của thiên nhiên, đất trời, tạo vật là lồng lộng hồn người sang thu.*(Theo Vũ Nho, Đi giữa miền thơ)a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích trên.b. Nêu tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy. | **Bài tập 2/15:**a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích: Các câu in đậm trong đoạn trích đều là câu đơn, có cấu trúc tương đồng (phương thức lặp cấu trúc).b. Tác giả lựa chọn cấu trúc câu như vậy nhằm nhấn mạnh cả đất trời, tạo vật đều đang “*sang thu”;* tác động mạnh vào tình cảm, cảm xúc của người đọc, gây nên một không khí “*sang thu*”; tạo sự liên kết chặt chẽ về mặt nội dung và hình thức cho đoạn trích. |
| **Bài tập** **3:** Cho biết các câu ghép dưới đây thuộc loại câu ghép đẳng lập hay chính phụ. Xác định phương tiện nối các vế câu và nêu tác dụng của việc lựa chọn phương tiện này.a. *Ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội nếu như làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới.*(Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King), *Tôi có một giấc mơ*)b. *Nhưng dù cho tại hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích.*(G.G. Mác-két, *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*)c. *Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực và ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc.*(Đỗ Chu, *Bồng chanh đỏ*)d. *Bước chân của anh đặt nhẹ trên đường, tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất.*(Đỗ Chu, *Bồng chanh đỏ*) | **Bài tập 3/15,16:**a. - Đây là câu ghép chính phụ. - Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “nếu như”.  - Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội”.b. - Đây là câu ghép chính phụ. - Phương tiện nối hai vế câu là cặp kết từ “dù cho ... thì ...”. - Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “tai hoạ có xảy ra”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”.c. - Đây là câu ghép đẳng lập.  - Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “và”. - Tác dụng: Biểu thị quan hệ liệt kê. Hai sự việc được liệt kê là: “Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực, ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc”.d.- Đây là câu ghép đẳng lập. - Phương tiện nối hai vế câu là dấu phẩy (,). - Tác dụng: Biểu thị quan hệ tiếp nối. Sự việc đầu tiên là “bước chân của anh đặt nhẹ trên đường”, sự việc tiếp theo là “tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất”. |
| **Bài tập** **4:** Em trao đổi với bạn cùng nhóm một bài văn nghị luận mình đã viết. Sau đó, đọc bài viết của bạn và trả lời các câu hỏi:a. Bạn em đã sử dụng câu đơn, câu ghép hay kết hợp cả hai kiểu câu trong bài viết?b. Việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy có tác dụng gì?c. Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn đã lựa chọn cấu trúc câu hợp lí chưa? Nếu được phép thay đổi cấu trúc của một vài câu, em sẽ thay đổi như thế nào? Vì sao?  | **Bài tập 4/16: Gợi ý**a. Bạn đã sử dụng kết hợp cả hai kiểu câu đơn và câu ghép trong bài viết.b. Tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy:- Câu đơn: Nhấn mạnh ý, tạo sự ngắn gọn, súc tích. - Câu ghép: Liên kết các ý, thể hiện mối quan hệ logic giữa các phần. - Kết hợp cả hai kiểu câu: Tạo sự đa dạng, phong phú cho bài viết. Nhấn mạnh ý, tăng tính logic và thuyết phục.c.- Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn lựa chọn cấu trúc một số câu chưa hợp lí.- Nếu được phép thay đổi cấu trúc của một vài câu, em sẽ thay đổi từ câu đơn thành câu ghép, và ngược lại. Vì:+ Thay đổi câu đơn thành câu ghép để bổ sung thông tin, giải thích chi tiết hơn.+ Thay đổi câu ghép thành câu đơn để tạo sự ngắn gọn, súc tích.+ Ngoài ra, việc thay đổi như vậy còn tăng tính logic, rõ ràng, tăng sức thuyết phục cho bài viết. |
| ***VẬN DỤNG*** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  *Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu trong đó có sử dụng câu đơn và câu ghép.* ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Hs suy nghĩ câu hỏi.***\* Báo cáo, thảo luận:*** 3-4 Hs trình bày đoạn văn.***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét đoạn văn của Hs. |  Trong thời đại công dân toàn cầu, việc học tập và phấn đấu để trở thành công dân toàn cầu là điều vô cùng quan trọng. Và mỗi người đều cần thay đổi để trở thành công dân toàn cầu và nhất là thế hệ thanh niên. Công dân toàn cầu được hiểu là người có năng lực, kĩ năng để có thể không chỉ hoạt động trong nước mà còn có thể làm việc và phấn đấu trong môi trường quốc tế với tinh thần hội nhập cao độ. Và muốn thành công dân toàn cầu, kiến thức là điều không thể thiếu trong mỗi người. Kiến thức vững chắc sẽ giúp con người đủ tự tin để khẳng định vươn mình. Bên cạnh đó, ta còn cần trau dồi ngoại ngữ. Bạn sẽ không thể giao tiếp, không thể hòa nhập khi thiếu đi vốn ngoại ngữ. Nếu chỉ mang theo tư tưởng ếch ngồi đáy giếng thì ta rất khó để thành công. Giữa một thế giới rộng lớn, conn gười cần gạt bỏ cái tôi cá nhân và hòa nhập, học hỏi không ngừng với mọi người xung quanh. Thời đại này đang không ngừng đổi thay, không ngừng dịch chuyển. Thái độ, hành động của ta sẽ quyết định tất cả. Bạn và tôi, chúng ta là con người của thời đại số, hãy biết tận dụng tài nguyên và không ngừng cố gắng vì internet ở muôn nơi và cho ta muôn vàn khám phá. Dù đứng ở đâu thì ta cũng có thể tỏa sáng theo cách của riêng mình và là người công dân toàn cầu đúng nghĩa. Nhưng hãy là người công dân luôn mang theo cả đạo đức, tri thức. Và dẫu có toàn cầu hóa đến đâu thì cũng luôn phải nhớ bản thân mình là ai, đất nước mình là gì và luôn quan tâm hơn cả về trách nhiệm tương lai dân tộc.  |
| ❖ **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC****1. Bài vừa học:**- Nắm tri thức TV. - Hoàn thành bài tập phần vận dụng.**2. Bài sắp học: Đọc mở rộng thể loại: BẢN SẮC DÂN TỘC: CÁI GỐC CỦA MỌI CÔNG DÂN TOÀN CẦU** **-** Đọc, tìm hiểu VB. |